

Bản án số: 160/2024/DS-ST

Ngày 20-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

Bà Phạm Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:**
Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2024 “Về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Hoài T (Chủ hộ kinh doanh T1), sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm: 1996 “có mặt”.

Địa chỉ: số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 30/01/2024).

- **Đồng bị đơn:**

+ Ông Sơn S, sinh năm: 1963 “có mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1968 “có mặt”.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2024 nguyên đơn là anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1) trình bày:

Ông Nguyễn Duy M2 là chủ hộ kinh doanh Thành L có hợp đồng bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1. Theo hợp đồng thì ông M2 sẽ cung cấp thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông S và bà M1, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông S và bà M1 sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng, khi ông S và bà M1 thu hoạch tôm thì phải trả đủ tiền nợ, trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán, nếu ông S và bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thì ông M2 có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Sau khi hợp đồng ông M2 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông S và bà M1, sau khi nhận hàng thì ông S và bà M1 thống nhất về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá bán, nhưng sau khi thu hoạch tôm thì ông S và bà M1 không thực nghĩa vụ thanh toán dứt điểm tiền nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 20/9/2021 thì ông S và bà M1 còn nợ lại ông M2 số tiền 190.888.000 đồng.

Vào ngày 23/02/2023 ông M2 (chủ Hộ kinh doanh T1) đã lập văn bản thỏa thuận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của hộ kinh doanh T2 cho anh Lê Hoài T làm chủ hộ kinh doanh T. Nên khi ông S và bà M1 không hoàn trả tiền theo hợp đồng thì anh T khởi kiện yêu cầu ông S và bà M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh T (chủ hộ kinh doanh Thành L) số tiền ông S và bà M1 còn nợ là 190.888.000 đồng và tiền lãi 45.070.778 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Diễm M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị M chỉ yêu cầu ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền nợ gốc là 190.888.000 đồng, không yêu cầu ông S và bà M1 trả tiền lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn là ông Sơn S1 và bà Nguyễn Thị M1 cùng trình bày:

Ông Nguyễn Duy M2 (chủ Hộ kinh doanh T1) có hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1. Theo hợp đồng thì ông M2 sẽ cung cấp thức ăn tôm, thuốc thủy sản cho ông S và bà Nguyễn Thị M1, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông S và bà Nguyễn Thị M1 sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Đến khi thu hoạch tôm thì ông S và bà M1 sẽ trả đủ tiền nợ cho ông M2.

Sau khi hợp đồng ông M2 đã giao đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông S và bà M1, khi nhận hàng thì ông S và bà M1 thống nhất về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá bán. Nhưng khi thu hoạch tôm thì do ông S và bà M1 nuôi tôm bị thất, nên không trả đủ tiền nợ cho ông M2 theo hợp đồng. Tính đến ngày 20/9/2021 ông S và bà M1 còn nợ lại ông M2 (chủ Hộ kinh doanh T1) số tiền

190.888.000 đồng. Từ đó đến nay ông S và bà M1 chưa hoàn trả số tiền nào cho ông M2 và anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông S và bà M1 thống nhất hoàn trả cho anh T (chủ Hộ kinh doanh T1) số tiền 190.888.000 đồng, không tính lãi. Nhưng do làm ăn thất bại, nên ông S yêu cầu được trả dần, khi nào trúng tôm sẽ trả từ từ cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và các bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, chị Trần Diễm M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị M yêu cầu ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền nợ gốc là 190.888.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S và bà M1 thống nhất hoàn trả anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền nợ gốc là 190.888.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1), buộc ông S và bà M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh T (chủ hộ kinh doanh T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoài T (Chủ hộ kinh doanh T1) kiện ông Sơn S1 và bà Nguyễn Thị M1 là đồng bị đơn cư trú tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu các bị đơn liên đới có trách nhiệm trả nợ tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Diễm M thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: chị M chỉ yêu cầu ông Sơn S và bà

Nguyễn Thị M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền nợ gốc là 190.888.000 đồng, không yêu cầu ông S và bà M1 trả tiền lãi.

Xét thấy: việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2] Về nội dung hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Nguyễn Duy M2 (chủ hộ kinh doanh Thành Long) và ông Sơn S, bà Nguyễn Thị M1:

ông Nguyễn Duy M2 (chủ hộ kinh doanh T) và ông Sơn S, bà Nguyễn Thị M1 cùng xác định ông M2 (chủ hộ kinh doanh T1) có hợp đồng bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản cho ông S và bà M1 nuôi tôm. Theo hợp đồng ông M2 sẽ cung cấp thức ăn tôm, thuốc thủy sản cho ông S, bà M1, đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng, được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Sau khi nhận hàng thì ông S và bà M1 sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng, khi ông S và bà M1 thu hoạch tôm thì phải trả đủ tiền nợ, trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán, nếu ông S và bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thì ông M2 có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu thanh toán dứt điểm tiền nợ.

[3] Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng: tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng mua bán, ông M2 và ông S, bà M1 là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực pháp luật.

[4] Giữa ông Nguyễn Duy M2 và ông Sơn S, bà Nguyễn Thị M1 đã tự nguyện thực hiện giao dịch mua bán với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng ông M2 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán giao đủ số lượng và chất lượng thức ăn tôm cho ông S và bà M1, còn ông S và bà M1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua thức ăn cho ông M2 theo hợp đồng. Đến ngày 20/9/2021 ông S và bà M1 còn nợ lại ông M2 số tiền gốc là 190.888.000 đồng. Ông S và bà M1 đều thừa nhận số tiền nợ này và có ký nhận nợ vào sổ theo dõi nợ, nên đây là tình tiết anh T không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1) về việc yêu cầu ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 liên đới có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 190.888.000 đồng.

Vào ngày 23/02/2023 ông Nguyễn Duy M2 (chủ hộ kinh doanh T1) đã lập văn bản thỏa thuận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của hộ kinh doanh T2 cho anh Lê Hoài T làm chủ hộ kinh doanh T. Do ông S và bà M1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, nên anh T

yêu cầu ông S và bà M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền còn nợ là 190.888.000 đồng, ông S và bà M1 cũng thống nhất hoàn trả cho anh T số tiền 190.888.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của anh T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc ông S và bà M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền 190.888.000 đồng.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1), buộc ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền nợ gốc là 190.888.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của ông S và bà M1 xin trả dần số tiền 190.888.000 đồng. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 cùng liên đới nộp số tiền 9.544.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông S là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, như vậy bà M1 phải nộp số tiền 4.772.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.898.969 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003178 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoài T (Chủ hộ kinh doanh T1).

Xử buộc ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Hoài T (Chủ hộ kinh doanh T1) số tiền là 190.888.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Lê Hoài T (Chủ hộ kinh doanh Thành Long) có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Sơn S và bà Nguyễn Thị M1 không thực hiện việc trả nợ thì ông S và bà M1 còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Sơn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị M1 phải nộp 4.772.200 đồng (*bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Hoài T (chủ hộ kinh doanh T1) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.898.969 đồng (*năm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003178 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

